

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 145/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1837/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2064 ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, nơi ĐKKHKT: HT II, phường QT, quận HB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số phòng 102, tòa nhà HU, Hi92, thành phố T, tỉnh M, Nhật Bản; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Mai Đình H, nơi ĐKKHKT: HT II, phường QT, quận HB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số phòng 102, tòa nhà HU, Hi92, thành phố T, tỉnh M, Nhật Bản; vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn, bản tự khai gửi cho Tòa án chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Mai Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại phường Quán Toán, quận HB, thành phố Hải Phòng ngày 02/01/2010. Quá

trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do năm 2014 chị có sang Nhật Bản lao động, sau đó năm 2016 anh H và con gái sang sinh sống cùng chị. Trong quá trình sinh sống tại Nhật Bản, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đã ảnh hưởng đến tâm lý của con chung. Vì vậy, chị và anh H đã sống ly thân với nhau vào giữa năm 2018. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Mai Đình H.

Vợ chồng anh chị có một con chung là Mai Nguyễn TM, sinh 06/01/2011. Hiện tại, cháu My đang ở với chị, khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu My, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chị Nguyễn Thị H đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với anh Mai Đình H: Tòa án đã tiến hành việc ủy thác thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Mai Đình H. Mặc dù Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản chưa thông báo cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về kết quả ủy thác. Theo Công văn số 1090/XNC(Đ5) ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh thành phố Hải Phòng thể hiện: 04/3/2019, anh Mai Đình H đã về Việt Nam, chưa xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ nước Việt Nam. Xác minh tại địa phương thể hiện: Anh H đã trở về Việt Nam từ tháng 2 năm 2019 (âm lịch). Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý và Thông báo cung cấp lời khai của Tòa án cho người thân của anh H là ông Mai Đình Đệ (bố đẻ của anh H, trú tại: HT II, phường QT, quận HB, thành phố Hải Phòng) và cho anh trai của anh H là anh Mai Đình Hưng (anh Hưng sống cùng nhà và có cùng hộ khẩu với anh H khi anh H ở Việt Nam). Theo lời khai của anh Mai Đình Hưng, anh H đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo yêu cầu cung cấp lời khai của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, anh H vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Ý kiến của gia đình nguyên đơn và bị đơn: Điều đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho anh H và chị H ly hôn, về con chung đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị xin tự giải quyết là phù hợp với điều kiện của anh chị. Chị H và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, gia đình bị đơn và nguyên đơn không có ý kiến gì.

Nguyện vọng con chung: Cháu My đề nghị được ở với chị Nguyễn Thị H.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; mặc dù bị đơn anh Mai Đình H không cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, anh H đã nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, quyền và lợi ích của anh H đã được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H và anh Mai Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại phường Quán Toán, quận HB, thành phố Hải Phòng ngày 02/01/2010 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao con chung là Mai Nguyễn TM, sinh 06/1/2011 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H xin tự giải quyết với anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị H xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Chị Nguyễn Thị H hiện đang sinh sống Nhật Bản, chị H và anh H đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc hòa giải vụ án và sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và tại thời điểm thụ lý vụ án anh Mai Đình H đang cư trú tại Nhật Bản, chị H đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị H và anh Mai Đình H đều vắng mặt, trong đó chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. **Căn cứ Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Mai Đình H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại phường Quán Toán, quận HB, thành phố Hải Phòng ngày 02/01/2010, theo quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2010, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do năm 2014 chị H sang Nhật Bản lao động, sau đó năm 2016 anh H và con gái sang sinh sống cùng chị. Trong quá trình sinh sống tại Nhật Bản, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đã ảnh hưởng đến tâm lý của con chung. Vì vậy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau vào giữa năm 2018 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Mặc khác, anh H không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Mai Đình H có một con chung là Mai Nguyễn TM, sinh 06/1/2011. Ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu My, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H không có ý kiến gì về con chung. Xét thấy, con chung có nguyện vọng ở chị H, gia đình của chị H và anh H đều đề nghị để chị H nuôi dưỡng con chung. Mặt khác hiện nay cháu My đang ở với chị H nên giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị H xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Mai Đình H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Mai Đình H.

2. Về con chung: Giao con chung Mai Nguyễn TM, sinh 06/1/2011 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0010963 ngày 22 tháng 8 năm 2018 và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0010964 ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Mai Đình H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường QT, quận HB, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đăng Khoa

Nguyễn Thành Biên

Lương Ngọc Dũng

